

CÔNG TY: CÔNG PHẦN KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội

Tel: ..... Fax: .....

Báo cáo tài chính

Q2 năm 2013

Mẫu số .....

## DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>			-	-
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>915,567,509,717</b>	<b>1,201,695,299,817</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>13,120,295,212</b>	<b>71,776,405,585</b>
1. Tiền	111		13,120,295,212	2,776,405,585
2. Các khoản tương đương tiền	112			69,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>224,370,931,432</b>	<b>769,527,072,866</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		224,370,931,432	769,527,072,866
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>426,757,470,387</b>	<b>116,060,430,738</b>
1. Phải thu khách hàng	131		16,487,315,904	18,758,675,262
2. Trả trước cho người bán	132	<b>7</b>	44,519,716,090	20,330,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	<b>8</b>	365,750,438,393	76,971,755,476
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>235,731,418,568</b>	<b>215,987,198,298</b>
1. Hàng tồn kho	141		235,731,418,568	215,987,198,298
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15,587,394,118</b>	<b>28,344,192,330</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5,935,604,104	18,283,545,940
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,219,829,062	4,144,958,538
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39,095,943	39,095,943
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		6,392,865,009	5,876,591,909
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1,474,922,730,748</b>	<b>1,262,275,945,589</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>10</b>	<b>600,000,000,000</b>	<b>846,832,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		600,000,000,000	846,832,000,000
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>605,580,545</b>	<b>272,765,369</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>11</b>	<b>369,651,863</b>	<b>36,253,352</b>
- Nguyên giá	222		420,114,580	108,523,626
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50,462,717)	(72,270,274)
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>12</b>	-	<b>583,335</b>
- Nguyên giá	228		21,000,000	21,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(21,000,000)	(20,416,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>14</b>	235,928,682	235,928,682
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>872,749,601,819</b>	<b>414,308,399,147</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>13</b>	853,136,903,381	359,031,126,467
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>14</b>	32,762,945,282	32,762,945,282
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>15</b>	54,100,919,863	80,497,463,964
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	<b>16</b>	(67,251,166,707)	(57,983,136,566)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,567,548,384</b>	<b>862,781,073</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>17</b>	1,089,127,914	384,360,603
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Tài sản dài hạn khác	268		478,420,470	478,420,470
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2,390,490,240,465</b>	<b>2,463,971,245,406</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>			-	-
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,236,703,670,680</b>	<b>1,322,608,828,748</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,216,406,666,753</b>	<b>1,225,680,595,256</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	800,253,439,224	668,091,326,213
2. Phải trả người bán	312		5,727,087,671	15,259,197,114
3. Người mua trả tiền trước	313	19	24,120,000,000	233,079,990,000
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	20	24,462,338,632	4,527,784,355
5. Phải trả người lao động	315		841,339,462	137,733,552
6. Chi phí phải trả	316	21	90,329,430,519	30,295,440,676
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	267,693,296,377	273,174,817,393
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		2,979,734,868	1,114,305,953
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20,297,003,927</b>	<b>96,928,233,492</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	23	12,909,624,060	96,928,233,492
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		7,387,379,867	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1,153,786,569,785</b>	<b>1,141,362,416,658</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>24</b>	<b>1,153,786,569,785</b>	<b>1,141,362,416,658</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1,000,000,000,000	1,000,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,610,910,700	685,356,785
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		6,329,814,592	5,046,111,982
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		144,845,844,493	135,630,947,891
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2,390,490,240,465</b>	<b>2,463,971,245,406</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			-	-
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại	05		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013  
Tổng giám đốc

-

-

**CÔNG TY: CÔNG TY CP KHÁCH SẠN VÀ DỊCH VỤ ĐẠI DƯƠNG**  
**Địa chỉ: Số 4 Láng Hạ, Phường Thành Công, Ba Đình, Hà nội**  
**Tel: ..... Fax: .....**

**Báo cáo tài chính**  
**Q2 năm 2013**

Mẫu số .....

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19,135,787,148	255,173,864	29,359,105,618	10,560,516,104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>25</b>	<b>19,135,787,148</b>	<b>255,173,864</b>	<b>29,359,105,618</b>	<b>10,560,516,104</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	25	11,857,875,673	417,752,619	13,862,206,389	8,435,800,911
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>7,277,911,475</b>	<b>(162,578,755)</b>	<b>15,496,899,229</b>	<b>2,124,715,193</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	199,861,782,879	165,015,040,470	236,529,124,457	198,545,961,746
7. Chi phí tài chính	22	27	102,143,912,781	39,302,295,603	126,865,173,278	65,731,463,585
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24,766,544,582	35,132,330,292	48,361,045,577	61,561,498,274
8. Chi phí bán hàng	24		97,200,000	250,875,492	101,027,273	816,159,764
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3,000,704,338	1,744,119,862	4,923,890,718	3,830,332,841
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>101,897,877,235</b>	<b>123,555,170,758</b>	<b>120,135,932,417</b>	<b>130,292,720,749</b>
11. Thu nhập khác	31		733,095,591	56,451,555	795,163,877	617,798,435
12. Chi phí khác	32		43,390,000	136,359,911	57,390,000	724,089,177
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>689,705,591</b>	<b>(79,908,356)</b>	<b>737,773,877</b>	<b>(106,290,742)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>102,587,582,826</b>	<b>123,475,262,402</b>	<b>120,873,706,294</b>	<b>130,186,430,007</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	24,206,868,385	30,509,073,149	26,403,999,252	32,186,865,050
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>78,380,714,441</b>	<b>92,966,189,253</b>	<b>94,469,707,042</b>	<b>97,999,564,957</b>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		-	-	-	-

Kế toán trưởng

Hà nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013  
 Tổng giám đốc

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm ngoái
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			-	-
1. Lợi nhuận trước thuế	01		102,587,582,826	123,475,262,402
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			<b>(2,815,862,784)</b>	<b>(106,732,102,618)</b>
- Khấu hao TSCĐ	02		17,075,016	7,483,710
- Các khoản dự phòng	03		8,319,133,139	3,961,939,413
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35,918,615,521)	(198,536,387,366)
- Chi phí lãi vay	06		24,766,544,582	87,834,861,625
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>99,771,720,042</b>	<b>16,743,159,784</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1,754,702,858)	22,739,750,675
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(13,225,491,285)	4,816,990,499
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(201,399,747,420)	176,276,899,087
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1,279,134,952	(7,074,072,035)
- Tiền lãi vay đã trả	13			(13,617,949,767)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(299,216,110)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		66,108,985,941	(45,513,951,713)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1,413,373,655)	60,675,362,208
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(50,932,690,393)</b>	<b>215,046,188,738</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			-	-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(235,928,682)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(600,000,000)	476,165,010,000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		200,000,000	(646,180,000,000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(159,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			221,772,279,186
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,763,209,285	141,730,586,173
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5,363,209,285</b>	<b>33,751,946,677</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		96,700,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(45,700,000,000)	(67,000,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			(80,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>51,000,000,000</b>	<b>(147,000,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5,430,518,892</b>	<b>101,798,135,415</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		7,689,776,320	31,871,291,713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>13,120,295,212</b>	<b>133,669,427,128</b>

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2013  
 Tổng giám đốc

-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Xây dựng - Thương mại Bảo Long, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 số 0800338870 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 14 tháng 7 năm 2011 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu số 0403000464 ngày 24 tháng 7 năm 2006). Vốn điều lệ của Công ty là 1.000 tỷ đồng, tổng số cổ phiếu là 100.000.000 với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0800338870-001 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 10 năm 2010, thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 6 năm 2011.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng; Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán); Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar); Dịch vụ tư vấn, quản lý, quảng cáo bất động sản; Mua bán lương thực, thực phẩm; Sản xuất và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản; Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; Cho thuê nhà xưởng, văn phòng, nhà ở và kho bãi; Tư vấn lập dự án xây dựng các công trình công nghiệp, nhà ở và công trình công cộng; Thiết kế kỹ thuật (không bao gồm thiết kế công trình và thiết kế quy hoạch xây dựng); Đầu tư và xây dựng hạ tầng, nhà ở, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi; Thiết kế hệ thống cấp thoát nước - môi trường nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Số dư phải thu dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm khoản tiền ứng trước cho các đối tác để thực hiện các dự án bất động sản trong các năm tiếp theo và khoản tiền ứng trước cho các cá nhân để tiến hành chuyển nhượng cổ phần. Theo đánh giá của Công ty, các khoản ứng trước này chắc chắn có thể thu hồi trong tương lai. Do vậy, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	(Số năm)	(Số năm)
Thiết bị văn phòng	05 - 08	05-08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Công ty con là công ty mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi công ty nhận đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	10,188,328	26,202,381
Tiền gửi ngân hàng	13,110,106,884	2,750,203,204
Các khoản tương đương tiền (i)		69,000,000,000
	<u><b>13,120,295,212</b></u>	<u><b>71,776,405,585</b></u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư khoản tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày 30 tháng 06 năm 2013.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn - Givral (ii)		226,099,990,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bình An (iii)	73,493,549,831	146,327,082,866
Bà Hứa Thị Bích Hạnh (iv)	40,000,000,000	40,000,000,000
Bà Bùi Thị Cẩm Vân (v)	79,857,137,500	197,600,000,000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (vi)		159,500,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	30,420,244,101	
Công ty CP bánh Givral - CN Hà nội	600,000,000	
	<u><b>224,370,931,432</b></u>	<u><b>769,527,072,866</b></u>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch và Xúc tiến đầu tư Viptour	20,300,000,000	20,300,000,000
Công ty CP PVR	24,000,000,000	
Nhà cung cấp khác	219,716,090	30,000,000
	<u><b>44,519,716,090</b></u>	<u><b>20,330,000,000</b></u>

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ông Hà Trọng Nam	99,197,777,778	64,631,805,555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Liên	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	8,609,328,281	6,404,864,587
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	8,131,944,445	5,366,666,668
Công ty CP viptour togi	8,111,600,000	252,000
Công ty CP Kinh doanh DV cao cấp dầu khí VN	51,152,163,350	
Công ty CP bánh Givral - Cn Hà nội	7,441,667	
Phải thu khác	190,540,182,872	568,166,666
	<u><b>365,750,438,393</b></u>	<u><b>76,971,755,476</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	216,665,899,752	215,987,198,298
Hàng hoá	19,065,518,816	
	<b>235,731,418,568</b>	<b>215,987,198,298</b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	100,000,000,000	100,000,000,000
Euro Metal Cans Holding Co PTE LTD		85,100,000,000
Công ty TNHH Togi Việt Nam		1,000,000,000
Công ty Cổ phần Viptour-Togi		160,732,000,000
Ông Hà Trọng Nam	500,000,000,000	500,000,000,000
	<b>600,000,000,000</b>	<b>846,832,000,000</b>

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	-	-	108,523,626	108,523,626
Mua trong kỳ	-	-	456,895,916	456,895,916
Phân loại lại sang CCDC	-	-	(145,304,962)	(145,304,962)
Tại ngày 30/06/2013	-	-	420,114,580	420,114,580
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2013	-	-	72,270,274	72,270,274
Khấu hao trong kỳ	-	-	23,583,663	23,583,663
Phân loại lại sang CCDC	-	-	(45,391,220)	(45,391,220)
Tại ngày 30/06/2013	-	-	50,462,717	50,462,717
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
<b>Tại ngày 30/06/2013</b>	-	-	<b>369,651,863</b>	<b>369,651,863</b>
<b>Tại ngày 01/01/2013</b>	-	-	<b>36,253,352</b>	<b>36,253,352</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm	Cộng
	kế toán	
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	21,000,000	21,000,000
Mua trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2013	21,000,000	21,000,000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2013	20,416,665	20,416,665
Hao mòn trong kỳ	583,335	583,335
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2013	21,000,000	21,000,000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 30/06/2013	-	-
Tại ngày 01/01/2013	583,335	-

**13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Tên công ty con	Ngày năm quyền kiểm soát (i)	Giá trị đầu tư tại ngày 31/03/2013 VND	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2012 VND
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	31/12/2009	172,928,550,363	172,928,550,363
Công ty Cổ Phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	08/4/2011	47,209,238,000	47,209,238,000
Công ty Cổ Phần Tân Việt	23/5/2011	109,493,338,104	109,493,338,104
Công ty Cổ phần Bánh Givral	29/12/2011	29,400,000,000	29,400,000,000
Công ty Cổ phần Viptour togi	1/4/2013	246,832,000,000	
Công ty Cổ phần Bất động sản Việt Bắc	1/4/2013	247,273,776,914	
		<b>853,136,903,381</b>	<b>359,031,126,467</b>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2013	31/12/2012
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết	32,762,945,282	32,762,945,282
	<b>32,762,945,282</b>	<b>32,762,945,282</b>

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ đến ngày 30/06/2013 %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	Nghệ An	49,50	49,50	Kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà hàng, dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế, cho thuê văn phòng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	43,335,369,863	43,335,369,863
Công ty Cổ phần Truyền thông và Máy tính Việt Nam	3,341,800,000	3,341,800,000
Công ty Cổ phần Đầu tư THT Việt Nam	3,000,050,000	3,000,050,000
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ		30,820,244,101
Công ty Cổ phần kỹ thuật XD & VLXD	4,423,700,000	
	<u><b>54,100,919,863</b></u>	<u><b>80,497,463,964</b></u>

**16. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Khách sạn Suối Mơ	23,236,051,283	21,947,933,868
Công ty Cổ phần Du lịch Dầu khí Phương Đông	23,126,382,538	23,126,382,538
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	13,016,710,481	12,908,820,160
Công ty CP Bánh Givral	7,872,022,405	
	<u><b>67,251,166,707</b></u>	<u><b>57,983,136,566</b></u>

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>30/6/2013</u>	<u>2012</u>
	VND	VND
Tại ngày đầu kỳ	384,360,603	1,565,994,784
Tăng trong kỳ/năm	1,215,341,856	592,042,590
Phân bổ vào chi phí trong kỳ/năm	(510,574,545)	(1,773,676,771)
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<u><b>1,089,127,914</b></u>	<u><b>384,360,603</b></u>

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương	61,191,326,213	61,191,326,213
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	47,000,000,000	40,000,000,000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư	77,862,113,011	66,900,000,000
Công ty CP tập đoàn đại dương	51,700,000,000	
Vay dài hạn đến hạn trả	500,000,000,000	500,000,000,000
Vay ngắn hạn khác	62,500,000,000	
	<u><b>800,253,439,224</b></u>	<u><b>668,091,326,213</b></u>

**19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI		232,899,990,000
Đối tượng khác	24,120,000,000	180,000,000
	<u><b>24,120,000,000</b></u>	<u><b>233,079,990,000</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	255,470,247	64,068,448
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24,206,868,385	4,463,715,907
	<u><b>24,462,338,632</b></u>	<u><b>4,527,784,355</b></u>

**21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	78,069,008,547	29,797,592,768
Chi phí trích trước mua condotel NT	11,238,900,006	
Chi phí phải trả khác	1,021,521,966	497,847,908
	<u><b>90,329,430,519</b></u>	<u><b>30,295,440,676</b></u>

**22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Viptour - Togi	5,963,600,000	6,633,600,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Nhật Minh	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	45,400,000,000	45,400,000,000
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI		84,883,329,126
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hỗ trợ và Phát triển đầu tư		95,127,778
Bà Hứa Thị Bích Hạnh	116,042,770,800	116,042,770,800
Cổ tức 2012 chờ chia cho cổ đông	80,000,000,000	
Phải trả, phải nộp khác	286,925,577	119,989,689
	<u><b>267,693,296,377</b></u>	<u><b>273,174,817,393</b></u>

**23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>30/06/2013</u>	<u>31/12/2012</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát VISSAI		87,997,232,500
Đối tượng khác	12,909,624,060	8,931,000,992
	<u><b>12,909,624,060</b></u>	<u><b>96,928,233,492</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2012</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>15,459,459</b>	<b>4,376,214,656</b>	<b>89,192,307,920</b>	<b>1,093,583,982,035</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	128,370,261,029	1,915,392,601
Phân phối lợi nhuận năm 2011	-	669,897,326	669,897,326	(81,794,743,315)	(80,454,948,663)
Giảm khác	-	-	-	(136,877,743)	(136,877,743)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>685,356,785</b>	<b>5,046,111,982</b>	<b>135,630,947,891</b>	<b>1,141,362,416,658</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	94,469,707,042	94,469,707,042
Phân phối lợi nhuận năm 2012	-	1,925,553,915	1,283,702,610	(85,254,810,440)	(82,045,553,915)
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/06/2013</b>	<b>1,000,000,000,000</b>	<b>2,610,910,700</b>	<b>6,329,814,592</b>	<b>144,845,844,493</b>	<b>1,153,786,569,785</b>

**25. DOANH THU - GIÁ VỐN**

	Q2/2013	Q2/2012
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19,135,787,148</b>	<b>255,173,864</b>
Trong đó:		
- Doanh thu khách sạn	-	-
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	15,109,166,148	255,173,864
- Doanh thu nhượng quyền kinh doanh bất động sản	4,026,621,000	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>19,135,787,148</b>	<b>255,173,864</b>
<b>Giá vốn hàng hóa bán ra và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11,857,875,673</b>	<b>417,752,619</b>
- Giá vốn bán Bất động sản đầu tư	-	-
- Giá vốn khách sạn	-	-
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	9,525,353,676	417,752,619
- Giá vốn nhượng quyền kinh doanh bất động sản	2,332,521,997	-

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Q2/2013	Q2/2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42,623,027,503	34,102,891,592
Cổ tức	5,763,209,285	2,050,762,000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151,475,546,091	128,861,386,878
	<b>199,861,782,879</b>	<b>165,015,040,470</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Q2/2013</b>	<b>Q2/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	24,766,544,582	35,132,330,292
Chi phí tài chính khác	69,058,235,060	208,025,898
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	8,319,133,139	3,961,939,413
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
	<b>102,143,912,781</b>	<b>39,302,295,603</b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Q2/2013</b>	<b>Q2/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hiện tại</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>102,587,582,826</b>	<b>123,475,262,402</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(5,763,209,285)	(2,050,762,000)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ thuế	3,100,000	611,792,194
<b>Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>96,827,473,541</b>	<b>122,036,292,596</b>
Thuế suất thông thường	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>24,206,868,385</b>	<b>30,509,073,149</b>

*Hà nội, ngày 14 tháng 8 năm 2013*

**Trương Kim Thanh**  
Kế toán trưởng

**Sven Albert Saebel**  
Tổng Giám đốc